

Số:

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2021

Thực hiện Công văn số 759-CV/TU ngày 29/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc kê khai tài sản, thu nhập, Ban Dân tộc tỉnh báo cáo như sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện:

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ; Công văn số 939/TTT-NV4 ngày 25/11/2021 của Thanh tra tỉnh về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2021, Ban Dân tộc tỉnh triển khai đầy đủ những nội dung liên quan đến việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, hàng năm và kê khai bổ sung của năm 2021 đến toàn thể cán bộ, công chức cơ quan.

- Về hình thức triển khai: Chuyển tất cả văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh đến toàn thể công chức cơ quan qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản iOffice; giao Văn phòng ban tham mưu văn bản triển khai và hướng dẫn thực hiện kê khai tài sản, thu nhập hàng năm, kê khai bổ sung của năm 2021.

- Số lượng người được triển khai: 17/17 công chức cơ quan

- Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo: Đã ban hành Công văn số 883/BDT-VP về việc kê khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2021 và Quyết định số 882/QĐ-BDT ngày 10/12/2021 phê duyệt Danh sách công chức có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hàng năm năm.

II. Kết quả thực hiện việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản năm 2021.

1. Việc xây dựng kế hoạch, lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai:

- Nội dung kế hoạch thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm, thu nhập hàng năm và kê khai bổ sung của năm 2021 đã được triển khai và tổ chức thực hiện kịp thời, chặt chẽ, đúng quy định.

- Năm 2021, có 12 công chức thuộc đối tượng kê khai tài sản, thu nhập hàng năm; không có công chức thuộc diện kê khai bổ sung; có 02 công chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ (bổ nhiệm trưởng phòng, bổ nhiệm lại phó trưởng phòng)

2. Kết quả kê khai của công chức

a) Kê khai lần đầu: không

b) Kê khai hàng năm:

- Tổng số đối tượng phải kê khai: 12

- Tổng số công chức đã kê khai: 12

- Số công chức chưa kê khai: 0

c) Kê khai phục vụ công tác cán bộ

- Tổng số đối tượng phải kê khai: 02

- Tổng số công chức đã kê khai: 02

- Số công chức chưa kê khai: 0

3. Kết quả công khai bản kê khai:

- Kê khai phục vụ công tác bổ nhiệm: được thực hiện bằng hình thức công bố tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm

- Kê khai hàng năm: Theo lịch của Thanh tra tỉnh thì Ban Dân tộc tỉnh nộp bản kê khai vào ngày 16/02/2022. Theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Chương IV Nghị định 130/2020/NĐ-CP thì việc công khai được thực hiện chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày bàn giao bản kê khai. Ban sẽ thực hiện công khai bằng hình thức tổ chức Hội nghị công chức cơ quan với sự tham dự của toàn thể công chức cơ quan. Tất cả bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2021 của công chức đều được thông qua tại Hội nghị để thành phần tham dự hội nghị tham gia ý kiến.

4. Kết quả công tác kiểm tra, xác minh tài sản, thu nhập: Không

5. Việc xử lý vi phạm các quy định về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập (nếu có): Không

(Cụ thể có Bảng tổng hợp Kết quả thực hiện kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản năm 2021 kèm theo)

III. Nhận xét, đánh giá:

Trong quá trình triển khai và tổ chức thực hiện kê khai, tài sản thu nhập lần đầu, tất cả công chức cơ quan đều có ý thức chấp hành nghiêm túc và thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập hàng năm vẫn còn những lúng túng như: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP thì người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hàng năm

là “*Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác một trong các lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định này*”. Đối với cơ quan Ban Dân tộc tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu UBND tỉnh quản lý Nhà nước về công tác dân tộc, trong đó có một số Phó Trưởng Ban, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng không có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến một trong số 105 Danh mục phải kê khai theo quy định trên. Tuy nhiên, Ban Dân tộc tỉnh vẫn quyết định công chức có chức vụ từ Phó trưởng phòng trở lên, Phụ trách kế toán, thanh tra viên đều thực hiện kê khai hàng năm.

IV. Đề xuất, kiến nghị:

Đề nghị hướng dẫn kê khai thu nhập hàng năm cần nêu rõ việc thực hiện kê khai đối với người giữ chức vụ, quyền hạn từ phó trưởng phòng trở lên không thực hiện nhiệm vụ thuộc danh mục kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2021, Ban Dân tộc kính báo Ban Thường vụ Tỉnh ủy./.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

Trần Văn Mẫn

BẢNG TỔNG HỢP
Kết quả thực hiện việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản năm 2021
(Kèm theo Báo cáo số: 52/BDT-VP ngày 52/01/2022 của Ban Dân tộc tỉnh)

TT	NỘI DUNG	ĐV	SỐ LIỆU
I	Kê khai tài sản, thu nhập		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	CQTCĐV	01
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	100
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chậm thực kê khai	CQTCĐV	0
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	0
3	Tổng số người phải kê khai	Người	12
	Tổng số người đã thực hiện phải kê	Người	12
	Tổng số người chậm thực hiện phải kê	Người	0
4	Tổng số người kê khai tài sản, thu nhập lần đầu	Người	0
5	Tổng số người kê khai thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý	Người	03
II	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập		
	(Chưa thực hiện do chưa nộp bản Kê khai cho cơ quan thanh tra tỉnh theo Lịch)		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc công khai	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện việc công khai	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số bản kê khai đã được công khai	Bản	
	Công khai theo hình thức niêm yết	Bản	
	Công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp	Bản	
	Công khai theo hình thức khác (nếu có)	Bản	
4	Số bản kê khai chưa được công khai	Bản	
III	Kết quả thực hiện giải trình, kiểm tra, xác minh tài sản		0
1	Số người đã được kiểm tra, xác minh	Người	0
2	Số người được yêu cầu giải trình	Người	0
3	Số người đã có kết luận về minh bạch tài sản, thu nhập	Người	0
4	Số người đã có kết luận về minh bạch tài sản, thu nhập không trung thực	Người	0
IV	Xử lý vi phạm		
1	Số tổ chức vi phạm quy định về kê khai và kiểm soát việc kê khai	Đơn vị	0
2	Kết quả xử lý tổ chức	Đơn vị	0
3	Số cá nhân vi phạm quy định về kê khai và kiểm soát việc kê khai đã bị xử lý	Người	0
4	Kết quả xử lý cá nhân	Người	0